TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 441/2017/DS - ST
Ngày: 07-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Lương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Sâm, Thư ký Tòa án nhân dân quận T.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2017/TLST- DS ngày 18 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2017/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: 248/4/5 đường T, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: 50/7 đường H, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Phòng số 2, số 40/16 đường H, Phường 04, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện bà Lê Thị P trình bày: Ngày 20 tháng 12 năm 2015 bà Huỳnh Thị N mượn của bà số tiền 20.000.000 đồng, cam kết trong thời hạn 03 tháng sẽ trả toàn bộ tiền gốc và trả lãi mỗi tháng là 200.000 đồng. Đến hạn bà Huỳnh Thị N không trả tiền mà còn xin thêm thời gian trả nợ. Sau nhiều lần đòi nhưng bà Huỳnh Thị N không trả nên bà Lê Thị P khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị N trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày

bản án có hiệu lực pháp luật. Bà Lê Thị P không yêu cầu bà Huỳnh Thị N trả tiền lãi mỗi tháng 200.000 đồng từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 6 năm 2017, tổng cộng 1.200.000 đồng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày: Bà Huỳnh Thị N xác nhận có nợ của bà Lê Thị P số tiền 20.000.000 đồng. Lúc đầu vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Số tiền 10.000.000 đồng còn lại thì vay với lãi suất 1.200.000 đồng/tháng, tổng tiền lãi phải trả 2.200.000 đồng/tháng. Thời gian vay khoảng một năm rưỡi và bà Huỳnh Thị N đã đóng lãi đầy đủ cho bà Huỳnh Thị Phương. Do tin tưởng nên việc trả lãi không ký sổ hay giấy tờ gì và bà Huỳnh Thị N cũng đồng ý sẽ trả số tiền 20.000.000 đồng cho bà Huỳnh Thị N nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà Huỳnh Thị N yêu cầu được trả số tiền nợ nêu trên trong thời hạn 03 tháng.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị P yêu cầu bà Huỳnh Thị N trả tiền nợ gốc 20.000.000 đồng. Thời hạn và phương thức thanh toán trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, bà Lê Thị P rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà Huỳnh Thị N trả tiền lãi mỗi tháng 200.000 đồng, từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 6 năm 2017, tổng cộng 1.200.000 đồng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị N yêu cầu được trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, trong thời hạn 03 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét, bà Lê Thị P có đơn yêu cầu bà Huỳnh Thị N trả số tiền đã vay còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản phù hợp tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét, bà Huỳnh Thị N có địa chỉ cư trú tại 50/7 đường H, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bà Lê Thị P khởi kiện bà Huỳnh Thị N tại Tòa án nhân dân quận T là đúng quy định của pháp luật.

Xét các yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P:

[3] Xét, về tiền nợ gốc: Bà Lê Thị P yêu cầu bà Huỳnh Thị N trả tiền nợ gốc 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy mượn tiền ngày 21 tháng 12 năm 2015 thì bà Lê Thị P cho bà Huỳnh Thị N vay số tiền 20.000.000 đồng và thỏa thuận bà Huỳnh Thị N trả trong thời hạn 03 tháng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Huỳnh Thị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà Lê Thị P yêu cầu bà Huỳnh Thị N trả số tiền vay 20.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

[4] Bà Huỳnh Thị N xác nhận hiện còn nợ bà Lê Thị P số tiền 20.000.000 đồng nhưng bà Huỳnh Thị N cho rằng do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu được trả trong thời hạn 03 tháng, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, bà Lê Thị P không đồng ý thời hạn bà Huỳnh Thị N đưa ra mà yêu cầu bà Huỳnh Thị N phải trả trong thời hạn 01 tháng, sau khi án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị N trả trong thời hạn 03 tháng.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử buộc bà Huỳnh Thị N trả cho bà Lê Thị P số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về thời hạn thanh toán: Bà Lê Thị P yêu cầu bà Huỳnh Thị N thanh toán trong thời hạn 01 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Xét, bà Lê Thị P không yêu cầu bà Huỳnh Thị N trả tiền lãi mỗi tháng 200.000 đồng, từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 6 năm 2017, tổng cộng 1.200.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét và đình chỉ giải quyết yêu cầu này của bà Lê Thị P.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí trên yêu cầu của bà Lê Thị P được chấp nhận.

Bà Lê Thị P được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị N trả cho nguyên đơn bà Lê Thị P số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Thanh toán trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức

lãi suất được qui định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P không yêu cầu bà Huỳnh Thị N trả tiền lãi mỗi tháng 200.000 đồng, từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 6 năm 2017, tổng cộng 1.200.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Bà Lê Thị P được hoàn lại số tiền 530.000 đồng (năm trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006543 ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Lê Thị P và bà Huỳnh Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Chi cục THA dân sự quận T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Tuấn Nhu